Chi tiết mã HS 7215.10.90

Mã HS	7215.10.90
Mô tả hàng hóa	Sắt hoặc thép không hợp kim ở dạng thanh và que khác / - Bằng thép dễ cắt gọt, chưa được gia công quá mức tạo hình nguội hoặc gia công kết thúc nguội: / - - Loại khác
Đơn vị	kg
Thời điểm tạo	07/11/2026 18:32:38
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/72151090/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K11304
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N11304
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q11304
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0 (-MY)	0% (trừ MY)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0(-ID, MM)	0% (trừ ID, MM)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu
AIFTA	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E10622
ATIGA	2022	2022	0	AT!E10573
ATIGA	2023	2023	0	AT!F10573
ATIGA	2024	2024	0	AT!G10573
ATIGA	2025	2025	0	AT!H10573
ATIGA	2026	2026	0	AT!I10573
ATIGA	2027	2027	0	AT!J10573
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E10625
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F10625
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G10625

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H10625
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I10625
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J10625
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E10626
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F10626
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G10626
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H10626
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I10626
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J10626
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F10627
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H10579
AIFTA	30/12/2022	2022	*	AI!F10585
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	*	AI!G10585
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	*	AI!H10585
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	*	AI!I10585
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	*	AI!J10585
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	*	AI!K10585
VKFTA	2022	2022	0	VK!E10612
VKFTA	2023	2023	0	VK!F10612
VKFTA	2024	2024	0	VK!G10612
VKFTA	2025	2025	0	VK!H10612
VKFTA	2026	2026	0	VK!I10612
VKFTA	2027	2027	0	VK!J10612
VCFTA	2022	2022	0	VC!D10663
VCFTA	2023	2023	0	VC!E10663
VCFTA	2024	2024	0	VC!F10663

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2025	2025	0	VC!G10663
VCFTA	2026	2026	0	VC!H10663
VCFTA	2027	2027	0	VC!I10663
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D10648
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E10648
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F10648
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G10648
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H10648
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I10648
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D10648
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E10648
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F10648
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G10648
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H10648
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I10648
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D10665
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E10665
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F10665
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G10665
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H10665
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I10665
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D10664
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E10664
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F10664
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G10664
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H10664

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I10664
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D10611
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E10611
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F10611
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G10611
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H10611
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I10611
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J10611
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D10648
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E10648
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F10648
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G10648
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H10648
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I10648
RCEP B	2022	2022	0	B!D10648
RCEP B	2023	2023	0	B!E10648
RCEP B	2024	2024	0	B!F10648
RCEP B	2025	2025	0	B!G10648
RCEP B	2026	2026	0	B!H10648
RCEP B	2027	2027	0	B!I10648
RCEP C	2022	2022	0	C!D10648
RCEP C	2023	2023	0	C!E10648
RCEP C	2024	2024	0	C!F10648
RCEP C	2025	2025	0	C!G10648
RCEP C	2026	2026	0	C!H10648
RCEP C	2027	2027	0	C!I10648

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2022	2022	0	D!D10647
RCEP D	2023	2023	0	D!E10647
RCEP D	2024	2024	0	D!F10647
RCEP D	2025	2025	0	D!G10647
RCEP D	2026	2026	0	D!H10647
RCEP D	2027	2027	0	D!I10647
RCEP E	2022	2022	0	E!D10651
RCEP E	2023	2023	0	E!E10651
RCEP E	2024	2024	0	E!F10651
RCEP E	2025	2025	0	E!G10651
RCEP E	2026	2026	0	E!H10651
RCEP E	2027	2027	0	E!I10651
RCEP F	2022	2022	0	F!D10648
RCEP F	2023	2023	0	F!E10648
RCEP F	2024	2024	0	F!F10648
RCEP F	2025	2025	0	F!G10648
RCEP F	2026	2026	0	F!H10648
RCEP F	2027	2027	0	F!I10648
VIFTA	2024	2024	0	VI!F9852
VIFTA	2025	2025	0	VI!G9852
VIFTA	2026	2026	0	VI!H9852
VIFTA	2027	2027	0	VI!I9852

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

DOC-001	YELLOW	Kiểm tra chuyên ngành	Chính sách mặt hàng: DM mặt hàng đã được cắt giảm kiểm tra chuyên ngành (765/QĐ-BCT ngày 29/03/2019)		765/QĐ-BCT	Chuẩn bị hồ sơ đăng ký kiểm tra/chứng nhận theo văn bản nêu trên trước khi thông quan.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 7215.10 có 2 dòng thuế; dòng 7215.10.90 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Loại khác.	7215.10.10 Có mặt cắt ngang hình tròn	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 7215.10.90. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 7215.10.90 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N11304), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
DM mặt hàng đã được cắt giảm kiểm tra chuyên ngành (765/QĐ-BCT ngày 29/03/2019)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.